

KẾ HOẠCH
Triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai thống nhất Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh theo cấu trúc 04 lớp kiến trúc và 02 thành phần xuyên suốt; hình thành mô hình chính quyền số cấp xã đồng bộ, hiện đại, hoạt động chủ yếu trên môi trường số; tăng cường cung cấp dịch vụ số cho người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

Ưu tiên sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số dùng chung của Trung ương và của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp; bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình triển khai.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2026

- Hoàn thành ban hành danh mục dữ liệu cấp xã và cơ chế quản trị dữ liệu dùng chung; 100% UBND cấp xã thực hiện cập nhật dữ liệu theo quy định của tỉnh.
- 100% UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.
- 100% UBND cấp xã sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống báo cáo dùng chung của tỉnh.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được cấp tài khoản số phục vụ công vụ.
- Tối thiểu 70% hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.
- 100% UBND cấp xã được hướng dẫn triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng mức cơ sở.

b) Giai đoạn 2027 - 2028

- 100% dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ và khai thác thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ và tái sử dụng theo quy định.
- 100% UBND cấp xã khai thác bảng thông tin điều hành (Dashboard), hệ thống báo cáo số và các nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh.
- Hoàn thành triển khai nền tảng hỗ trợ phản ánh hiện trường, ứng dụng công dân số và các nền tảng phục vụ tương tác với người dân.
- Đẩy mạnh triển khai các nền tảng hỗ trợ kinh tế số, thương mại điện tử, OCOP, thanh toán số tại địa phương.

c) Giai đoạn 2029 - 2030

- Hoàn thiện mô hình chính quyền số cấp xã đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.
- Dữ liệu cấp xã được cập nhật, kết nối, chia sẻ liên thông, phục vụ chỉ đạo điều hành dựa trên dữ liệu.
- Hoàn thiện hệ sinh thái nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp tại cấp xã.
- 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được giám sát an toàn thông tin tập trung.

II. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI

1. Ưu tiên khai thác hạ tầng Trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp; thực hiện nguyên tắc dùng chung, tận dụng tối đa hạ tầng, dữ liệu hiện có, tránh đầu tư riêng lẻ, trùng lặp và lãng phí.
2. Bảo đảm thống nhất với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc số cấp tỉnh, Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
3. Dữ liệu được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; bảo đảm dữ liệu được cập nhật, kết nối, tích hợp, chia sẻ và khai thác thống nhất thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định.
4. Bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn dữ liệu trong toàn bộ quá trình xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số.
5. Triển khai Mô hình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm địa bàn, khả năng đáp ứng hạ tầng số và nhu cầu quản lý của từng xã, phường; ưu tiên triển khai các giải pháp phù hợp đối với từng loại địa bàn theo lộ trình của tỉnh.

6. Bảo đảm bao trùm số; tạo điều kiện để mọi người dân, nhất là người cao tuổi, người yếu thế, người dân tại khu vực ven biển, vùng còn khó khăn về hạ tầng số được tiếp cận, sử dụng dịch vụ số và dịch vụ công trực tuyến thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp.

7. Việc triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp: Trung ương cung cấp các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, dịch vụ số dùng chung và hướng dẫn kỹ thuật; cấp tỉnh tổ chức đầu tư, cung cấp, quản lý, vận hành tập trung hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin dùng chung; UBND cấp xã khai thác, sử dụng các nền tảng dùng chung, cập nhật dữ liệu, vận hành theo phân cấp và cung cấp dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Lớp 1: Hạ tầng số và an ninh mạng

1.1. Hạ tầng số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Đầu mối kỹ thuật để khai thác, kết nối, tích hợp các thành phần hạ tầng số dùng chung do cấp Trung ương cung cấp, bảo đảm phục vụ triển khai Mô hình tại cấp xã.

- Tổ chức quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh; duy trì, mở rộng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng lưu trữ phục vụ triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung cho cấp xã.

- Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến 100% UBND cấp xã, bảo đảm khả năng kết nối liên thông với các hệ thống dùng chung của Trung ương và của tỉnh.

- Triển khai, duy trì hạ tầng hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến xã phục vụ chỉ đạo, điều hành.

- Hướng dẫn cấu hình kỹ thuật tối thiểu đối với: mạng LAN/Intranet; thiết bị đầu cuối phục vụ cán bộ, công chức; thiết bị số hóa hồ sơ; thiết bị hội nghị trực tuyến; thiết bị phục vụ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Triển khai hạ tầng kết nối, hạ tầng truyền dẫn và các thành phần kỹ thuật phục vụ hệ thống camera giám sát, Internet vạn vật (IoT) và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông bảo đảm chất lượng kết nối Internet băng rộng cố định và di động 4G/5G; triển khai các giải pháp kết nối thay thế tại khu vực khó khăn; mở rộng vùng phủ sóng phục vụ triển khai dịch vụ số.

b) Sở, ban, ngành

- Rà soát, chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành bảo đảm khả năng kết nối, khai thác dùng chung đến cấp xã.

- Phối hợp triển khai các hệ thống chuyên ngành bảo đảm phù hợp kiến trúc số của tỉnh.

c) UBND cấp xã

- Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp.

- Rà soát, thiết lập và duy trì mạng nội bộ, kết nối Internet băng rộng và kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động thường xuyên trên môi trường số.

- Bố trí thiết bị đầu cuối phục vụ cán bộ, công chức; thiết bị số hóa hồ sơ; thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến theo điều kiện thực tế và yêu cầu triển khai chính quyền số tại địa phương. Trong đó, ưu tiên bố trí thiết bị cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, bộ phận văn thư, lãnh đạo, cán bộ chuyên môn thường xuyên xử lý hồ sơ điện tử, số hóa hồ sơ và tham gia họp trực tuyến.

- Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển, khả năng cân đối nguồn lực và định hướng triển khai thống nhất của tỉnh, UBND cấp xã rà soát, đề xuất nhu cầu triển khai các thành phần hạ tầng số bổ sung; cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh quyết định phạm vi và lộ trình triển khai. Các thành phần dưới đây là danh mục ưu tiên xem xét triển khai, không bắt buộc áp dụng đồng loạt đối với tất cả các xã, phường.

- + Địa bàn đô thị: ưu tiên xem xét triển khai Wi-Fi công cộng; camera giám sát an ninh, trật tự; hạ tầng IoT; bảng điện tử công cộng kết nối Trung tâm IOC, bảng thông tin điều hành (Dashboard) cấp tỉnh; hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các thành phần hạ tầng số phục vụ quản lý đô thị.

- + Địa bàn nông thôn: ưu tiên xem xét triển khai điểm truy cập Internet công cộng tại nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; hạ tầng truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các thành phần hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- + Địa bàn ven biển và địa bàn còn khó khăn về hạ tầng số: ưu tiên xem xét triển khai hạ tầng kết nối băng rộng di động 4G/5G; các giải pháp kết nối thay thế tại khu vực chưa bảo đảm chất lượng kết nối; điểm hỗ trợ số cộng đồng; hạ tầng phục vụ dịch vụ công lưu động và các thành phần hạ tầng số hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số.

1.2. An ninh mạng

a) Công an tỉnh

- Tổ chức khai thác các thành phần an ninh mạng dùng chung do cấp Trung ương cung cấp, bảo đảm hỗ trợ cấp xã trong quá trình kết nối, sử dụng hệ thống, bảo vệ dữ liệu và xử lý sự cố.

- Triển khai, vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) dùng chung của tỉnh phục vụ giám sát, cảnh báo và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp xã.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn UBND cấp xã triển khai các giải pháp bảo vệ thiết bị đầu cuối, quản lý tài khoản tập trung, sao lưu dữ liệu, chứng thực chữ ký số chuyên dùng, xác thực truy cập hệ thống.

- Hướng dẫn thực hiện phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định.

- Ban hành quy trình ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và cơ chế phối hợp xử lý sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin dùng chung và hệ thống thông tin cấp xã.

b) UBND cấp xã

- Tổ chức khai thác, sử dụng các thành phần an ninh mạng dùng chung do cấp Trung ương và cấp tỉnh cung cấp để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống, nền tảng, dữ liệu và thiết bị phục vụ triển khai Mô hình tại địa phương.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mức cơ sở đối với hạ tầng, thiết bị, dữ liệu và người dùng tại đơn vị theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

- Chủ động phối hợp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong giám sát, xử lý và khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức và người dân.

2. Lớp 2: Dữ liệu và nền tảng lõi

2.1. Dữ liệu

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu cơ chế quản trị dữ liệu dùng chung; danh mục dữ liệu cấp xã phải cập nhật; quy trình cập nhật, kiểm tra chất lượng, chia sẻ dữ liệu liên thông và từ điển dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

- Triển khai, quản lý và khai thác Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và các nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

- Tổ chức kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh thông qua Nền tảng LGSP.

- Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh triển khai kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Hướng dẫn chuẩn hóa, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

b) Sở, ban, ngành

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khai thác, kết nối và hướng dẫn sử dụng các thành phần dữ liệu dùng chung do cấp Trung ương cung cấp theo phân cấp, phục vụ triển khai Mô hình tại cấp xã.

- Rà soát, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với các hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung của tỉnh thông qua Nền tảng LGSP.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng danh mục dữ liệu chuyên ngành phục vụ chia sẻ, khai thác dùng chung tại cấp xã.

- Tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ số tại cấp xã.

c) UBND cấp xã

- Cập nhật dữ liệu kinh tế - xã hội địa phương, dữ liệu quản lý địa bàn và các nhóm dữ liệu chuyên ngành theo danh mục, biểu mẫu số và hướng dẫn của tỉnh.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; lưu trữ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu số theo quy định và quy trình một cửa điện tử.

- Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa, quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo phân cấp quản lý và quy định về quản trị dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu và nền tảng dữ liệu dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ số tại địa phương.

- Căn cứ điều kiện thực tế, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu quản lý của địa phương, UBND cấp xã ưu tiên cập nhật, quản lý và khai thác các nhóm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo từng loại địa bàn; bảo đảm thống nhất với danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định và không trùng lặp với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- + Địa bàn đô thị: ưu tiên cập nhật, quản lý và khai thác các nhóm dữ liệu về trật tự đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc phạm vi quản lý; môi trường; phản ánh hiện trường; phục vụ giám sát, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

+ Địa bàn nông thôn: ưu tiên cập nhật, quản lý và khai thác các nhóm dữ liệu về sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng thủy sản; vùng nguyên liệu; sản phẩm OCOP; hợp tác xã; truy xuất nguồn gốc và chuỗi cung ứng sản phẩm địa phương.

+ Địa bàn ven biển, địa bàn còn khó khăn về hạ tầng số: ưu tiên cập nhật, quản lý và khai thác các nhóm dữ liệu về nuôi trồng, khai thác thủy sản; phòng, chống thiên tai; sạt lở bờ biển; xâm nhập mặn; an sinh xã hội; đối tượng chính sách; du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và các dữ liệu đặc thù của địa phương.

2.2. Nền tảng lõi

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức khai thác các thành phần nền tảng lõi dùng chung do cấp Trung ương cung cấp để phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu, xác thực, định danh, khai thác API, phân tích dữ liệu và cung cấp dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai, quản lý và vận hành các nền tảng lõi cấp tỉnh, gồm: Nền tảng LGSP, kho dữ liệu dùng chung, nền tảng phân tích dữ liệu, Dashboard/IOC điều hành và các nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cấp tỉnh và cấp xã.

- Công khai danh mục nền tảng số dùng chung, quy trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, yêu cầu kỹ thuật kết nối và đầu mối hỗ trợ kỹ thuật để các sở, ban, ngành và UBND cấp xã triển khai khai thác, sử dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b) Sở, ban, ngành

- Rà soát, nâng cấp các hệ thống thông tin chuyên ngành bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và khai thác thống nhất với các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ triển khai chuẩn dữ liệu, xây dựng API kết nối, thực hiện đồng bộ, tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

c) UBND cấp xã

- Khai thác, sử dụng các nền tảng lõi do cấp Trung ương, cấp tỉnh cung cấp theo thẩm quyền để phục vụ xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu và cung cấp dịch vụ số.

- Thực hiện cập nhật, đồng bộ dữ liệu lên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông.

- Không đầu tư, triển khai các nền tảng riêng lẻ có chức năng trùng lặp với các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

3. Lớp 3: Ứng dụng và nghiệp vụ

3.1. Nhóm ứng dụng, nghiệp vụ phục vụ chính quyền số

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh triển khai, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung phục vụ chính quyền số, gồm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thư điện tử công vụ, Hệ thống họp trực tuyến, Dashboard/IOC điều hành, trợ lý ảo, công cụ hỗ trợ tác nghiệp số và các nền tảng số dùng chung khác bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc trên môi trường số từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Hướng dẫn quản lý, cấp phát tài khoản, phân quyền khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung; bảo đảm quản lý truy cập, khai thác dữ liệu và sử dụng hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì triển khai, quản lý, vận hành Không gian làm việc số/Bàn làm việc số dùng chung cấp tỉnh; tổ chức tích hợp, kết nối với các hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung; hướng dẫn UBND cấp xã khai thác, sử dụng thống nhất, bảo đảm phục vụ hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc trên môi trường số.

- Hướng dẫn triển khai, khai thác các công cụ hỗ trợ tác nghiệp số phục vụ xử lý văn bản điện tử, giao việc, theo dõi tiến độ xử lý công việc, khai thác dữ liệu, dashboard điều hành, hệ thống báo cáo số, trợ lý ảo và các công cụ hỗ trợ xử lý công việc trên môi trường số cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Thông báo danh mục ứng dụng dùng chung, phạm vi sử dụng, quy trình khai thác, phân quyền, đầu mối hỗ trợ kỹ thuật và yêu cầu cập nhật dữ liệu phục vụ triển khai thống nhất tại cấp xã.

b) Sở, ban, ngành

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kết nối, tích hợp, rà soát nhu cầu sử dụng, phân quyền và hướng dẫn cấp xã khai thác các ứng dụng dùng chung do cấp Trung ương cung cấp theo thẩm quyền.

- Triển khai thống nhất các phần mềm, hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công tại cấp xã.

- Hướng dẫn UBND cấp xã khai thác, sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin chuyên ngành; thực hiện quy trình nghiệp vụ điện tử, cập nhật dữ liệu và xử lý công việc trên môi trường số thuộc phạm vi quản lý ngành.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn nội dung thông tin cơ sở, truyền thông số cộng đồng và khai thác hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông phục vụ tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách và chuyển đổi số tại cấp xã.

c) UBND cấp xã

- Ưu tiên khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung do Trung ương và tỉnh triển khai; không đầu tư, triển khai các ứng dụng riêng lẻ trùng lặp chức năng, gây phân tán dữ liệu và khó khăn trong kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông.

- Tổ chức xử lý công việc trên môi trường số; khai thác, sử dụng thống nhất Không gian làm việc số/Bàn làm việc số dùng chung cấp tỉnh trong hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính; sử dụng chữ ký số chuyên dùng, hồ sơ điện tử và các nền tảng số dùng chung; khai thác hệ thống thông tin báo cáo, Dashboard điều hành và các chức năng của Trung tâm IOC phục vụ theo dõi, giám sát, tổng hợp dữ liệu và chỉ đạo, điều hành; thực hiện cập nhật dữ liệu theo phân cấp và theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

- Triển khai các công cụ hỗ trợ tác nghiệp số, trợ lý ảo và các ứng dụng hỗ trợ xử lý công việc phục vụ tra cứu dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ soạn thảo văn bản và trợ giúp thực hiện quy trình công vụ.

- Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu quản lý, khả năng cân đối nguồn lực và định hướng triển khai thống nhất của tỉnh, các địa phương được xem xét ưu tiên triển khai một số ứng dụng phục vụ chính quyền số theo từng loại địa bàn; bảo đảm không trùng lặp chức năng với các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- + Địa bàn đô thị: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý đô thị như phản ánh hiện trường, quản lý trật tự đô thị, bảng thông tin điều hành (Dashboard), giám sát môi trường, truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các ứng dụng hỗ trợ quản lý, điều hành đô thị.

- + Địa bàn nông thôn: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, Chương trình OCOP, hợp tác xã, truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các nền tảng hỗ trợ phát triển kinh tế số nông thôn.

- + Địa bàn ven biển, địa bàn còn khó khăn về hạ tầng số: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý nghề cá, nuôi trồng thủy sản, quan trắc môi trường nuôi, cảnh báo thiên tai, sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn...

3.2. Nhóm ứng dụng, nghiệp vụ phục vụ kinh tế số

a) Sở, ban, ngành

- Tổ chức khai thác các thành phần ứng dụng phục vụ Kinh tế số dùng chung do cấp Trung ương cung cấp, bảo đảm phục vụ hỗ trợ phát triển kinh tế số tại cấp xã.

- Hướng dẫn UBND cấp xã khai thác các nền tảng số phục vụ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương; thương mại điện tử; thanh toán số; truy xuất nguồn gốc sản phẩm; quản lý sản xuất nông nghiệp, thủy sản; OCOP và hợp tác xã.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất và người dân tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số và các hoạt động kinh tế số phù hợp với lĩnh vực quản lý.

b) UBND cấp xã

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất khai thác các nền tảng số, ứng dụng số phục vụ thương mại điện tử, thanh toán số, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm địa phương trên môi trường số.

- Khai thác các nền tảng số, ứng dụng dùng chung phục vụ phát triển kinh tế số do Trung ương và tỉnh cung cấp; hỗ trợ triển khai thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc và cung cấp dịch vụ số tại địa phương.

- Cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số tại địa phương, ưu tiên các nhóm dữ liệu về nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, OCOP, hợp tác xã, hộ sản xuất, sản phẩm đặc trưng và du lịch cộng đồng.

- Phối hợp triển khai các mô hình kinh tế số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; hỗ trợ người dân tham gia sàn thương mại điện tử, nền tảng số và các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên môi trường số.

- Tổ chức hướng dẫn kỹ năng số cơ bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, thanh toán số và sử dụng dịch vụ số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và các mô hình hỗ trợ chuyển đổi số tại địa phương.

- Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn lực và định hướng triển khai thống nhất của tỉnh, các địa phương được xem xét ưu tiên triển khai một số ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế số theo từng loại địa bàn; bảo đảm không trùng lặp chức năng với các nền tảng số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- + Địa bàn đô thị: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ thương mại điện tử, thanh toán số, quản lý hoạt động kinh doanh, hóa đơn điện tử, quảng bá sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; các nền tảng hỗ trợ thương mại, dịch vụ, hộ kinh doanh, chợ số, cửa hàng số và các mô hình kinh tế số đô thị.

- + Địa bàn nông thôn: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, quản lý vùng nguyên liệu, Chương trình OCOP, hợp tác xã, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử nông thôn và tiêu thụ nông sản trên môi trường số.

- + Địa bàn ven biển, cửa biển và vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý nuôi trồng, khai thác thủy sản, quản lý tàu cá, nhật ký khai thác điện tử (khi được triển khai), quan trắc môi trường nuôi, cảnh báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- + Đối với địa bàn có hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng quảng bá điểm đến, quảng bá sản phẩm đặc trưng địa phương, đặt dịch vụ trực tuyến, thanh toán số, quản lý điểm du lịch và các nền tảng hỗ trợ phát triển du lịch số.

3.3. Nhóm ứng dụng, nghiệp vụ phục vụ xã hội số

a) Sở, ban, ngành

- Tổ chức khai thác các thành phần ứng dụng phục vụ Xã hội số dùng chung do cấp Trung ương cung cấp.
- Triển khai các ứng dụng, nền tảng số trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội và các lĩnh vực phục vụ dân sinh thuộc phạm vi quản lý.
- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành phục vụ cung cấp dịch vụ số thiết yếu tại cấp xã.
- Hướng dẫn triển khai các mô hình hỗ trợ chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo lĩnh vực quản lý.
- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số thuộc phạm vi quản lý.

b) UBND cấp xã

- Khai thác, sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp phục vụ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số tại địa phương.
- Tổ chức hướng dẫn người dân khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công dân số, thanh toán số, dịch vụ số thiết yếu và các nền tảng số phục vụ đời sống xã hội thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng và các mô hình hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cơ bản, kỹ năng sử dụng dịch vụ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng cho người dân trên địa bàn.
- Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của người dân, khả năng cân đối nguồn lực và định hướng triển khai thống nhất của tỉnh, các địa phương được xem xét ưu tiên triển khai một số ứng dụng, nền tảng số phục vụ xã hội số theo từng loại địa bàn; bảo đảm không trùng lặp chức năng với các nền tảng số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.
- + Địa bàn đô thị: ưu tiên xem xét triển khai ứng dụng công dân số, thanh toán số, nền tảng tương tác giữa chính quyền với người dân, nền tảng thông tin số cộng đồng, các ứng dụng hỗ trợ tiếp cận dịch vụ công, giáo dục, y tế, văn hóa và các tiện ích số phục vụ đời sống đô thị.
- + Địa bàn nông thôn: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng phục vụ giáo dục số, y tế số, thông tin cơ sở, thư viện số, nền tảng học tập và bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, dịch vụ số cộng đồng, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ đời sống dân sinh.
- + Địa bàn ven biển, địa bàn còn khó khăn về hạ tầng số: ưu tiên xem xét triển khai các ứng dụng hỗ trợ an sinh xã hội, phòng, chống thiên tai, cảnh báo

thiên tai, thông tin cộng đồng, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến có trợ giúp, nền tảng hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và tiếp cận môi trường số.

4. Lớp 4: Kênh tương tác và đo lường hiệu quả

4.1. Kênh tương tác

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức khai thác các nền tảng, kênh tương tác số dùng chung do cấp Trung ương cung cấp; triển khai đồng bộ các nền tảng tương tác số dùng chung của tỉnh phục vụ trao đổi thông tin giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

- Hướng dẫn tích hợp, kết nối các kênh tương tác số với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, ứng dụng công dân số, hệ thống phản ánh hiện trường, hệ thống thông tin nguồn và các nền tảng số dùng chung khác của tỉnh.

- Hướng dẫn chuẩn dữ liệu, quy trình tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin trên môi trường số; bảo đảm liên thông dữ liệu phục vụ theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số thông qua nền tảng số, thiết bị di động, điểm hỗ trợ số cộng đồng và các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Sở, ban, ngành

- Tổ chức khai thác, sử dụng các nền tảng tương tác số dùng chung thuộc phạm vi quản lý; phối hợp tích hợp các hệ thống chuyên ngành với nền tảng tương tác dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp cập nhật thông tin, nội dung hướng dẫn, tuyên truyền và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ số thuộc lĩnh vực quản lý.

c) UBND cấp xã

- Tổ chức khai thác hiệu quả các kênh tương tác số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp để tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Duy trì các kênh hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số tại địa phương; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thế, người dân tại khu vực ven biển, vùng sâu, vùng còn khó khăn về hạ tầng số.

- Phối hợp triển khai các hình thức hỗ trợ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, điểm hỗ trợ số cộng đồng, dịch vụ công lưu động và các hình thức hỗ trợ phù hợp khác theo điều kiện thực tế địa phương.

- Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, khả năng cân đối nguồn lực và định hướng triển khai thống nhất của tỉnh, các địa phương được xem xét ưu tiên triển khai các kênh tương tác số phù hợp theo từng loại địa

bàn; bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

+ Địa bàn đô thị: ưu tiên xem xét triển khai ứng dụng công dân số, kênh phản ánh, kiến nghị trên môi trường số, các nền tảng tương tác trực tuyến giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp, thông báo số và các kênh hỗ trợ cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

+ Địa bàn nông thôn: ưu tiên xem xét triển khai nền tảng thông tin cơ sở, truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, các kênh hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nền tảng tương tác cộng đồng và các kênh truyền thông số phục vụ người dân.

+ Địa bàn ven biển, địa bàn còn khó khăn về hạ tầng số: ưu tiên xem xét triển khai các nền tảng thông tin cộng đồng, cảnh báo thiên tai, cảnh báo thời tiết, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân trên môi trường số và các kênh hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

4.2. Đo lường hiệu quả

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức khai thác các thành phần đo lường hiệu quả dùng chung do cấp Trung ương cung cấp; tích hợp với hệ thống dữ liệu, dashboard điều hành, hệ thống báo cáo số và các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh phù hợp hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Tổ chức theo dõi, tổng hợp, đánh giá các chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành, gồm: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số; tỷ lệ thanh toán trực tuyến; mức độ hài lòng của người dân; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên hệ thống số; hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành.

- Xây dựng dashboard theo dõi, giám sát tiến độ triển khai Mô hình trên phạm vi toàn tỉnh phục vụ UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành.

b) Sở, ban, ngành

- Phối hợp cập nhật dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả triển khai Mô hình.

- Tổ chức khai thác kết quả đo lường phục vụ quản lý, điều hành lĩnh vực phụ trách.

c) UBND cấp xã

- Thực hiện cập nhật đầy đủ dữ liệu phục vụ đo lường, đánh giá hiệu quả triển khai Mô hình theo hướng dẫn của tỉnh.

- Tổ chức khai thác Dashboard điều hành, hệ thống báo cáo số phục vụ quản lý, điều hành và theo dõi kết quả triển khai chuyển đổi số tại địa phương.

5. Thành phần xuyên suốt

5.1. Vận hành - quản trị

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Là đầu mối kỹ thuật thống nhất toàn tỉnh trong tổ chức triển khai, vận hành, hỗ trợ kỹ thuật các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung phục vụ Mô hình chuyển đổi số cấp xã.

- Tổ chức vận hành tập trung, giám sát hoạt động các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung; hướng dẫn quy trình quản trị, vận hành, sao lưu dữ liệu, bảo trì hệ thống và hỗ trợ người sử dụng.

- Chủ trì xây dựng cơ chế phối hợp hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố hệ thống thông tin; công khai đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu hỗ trợ từ cấp xã.

b) Công an tỉnh

- Thực hiện giám sát, cảnh báo và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ triển khai Mô hình.

- Hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quản lý truy cập hệ thống theo quy định.

c) Sở, ban, ngành

- Tổ chức vận hành, quản trị các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp hỗ trợ UBND cấp xã khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin chuyên ngành.

d) UBND cấp xã

- Bố trí đầu mối phụ trách theo dõi, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương.

- Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung; không đầu tư riêng lẻ các hệ thống có chức năng trùng lặp với hệ thống dùng chung của Trung ương và của tỉnh.

- Chủ động phối hợp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong xử lý sự cố kỹ thuật, an toàn thông tin và hỗ trợ người sử dụng tại địa phương.

5.2. Nguồn lực - nhân lực

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Hướng dẫn triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số hỗ trợ triển khai các nền tảng số, phổ cập kỹ năng số và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số.

b) Sở Nội vụ

- Phối hợp rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cấp xã phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Phối hợp hướng dẫn nâng cao năng lực quản trị, điều hành trên môi trường số cho cán bộ, công chức cấp xã.

c) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng và lồng ghép các nguồn kinh phí thực hiện chuyển đổi số.

d) Sở, ban, ngành

Chủ động bố trí nguồn lực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý; phối hợp hỗ trợ cấp xã triển khai các hệ thống chuyên ngành.

đ) UBND cấp xã

- Chủ động bố trí công chức theo dõi, tham gia triển khai chuyển đổi số tại địa phương; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Chủ động huy động nguồn lực hợp pháp, lồng ghép các chương trình, đề án để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp điều kiện thực tế địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch liên quan;
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp đầu tư; ưu tiên khai thác hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp.

3. Khuyến khích huy động doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số tham gia hỗ trợ triển khai nền tảng số, phổ cập kỹ năng số và hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số tại cộng đồng.

V. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI

Việc triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1. Xác định phạm vi và danh mục thành phần triển khai

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; rà soát hiện trạng hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; xác định danh mục các thành phần triển khai theo 04 lớp kiến trúc và 02 thành phần xuyên suốt của Mô hình; phân định rõ các thành phần do Trung ương cung cấp, cấp tỉnh cung cấp và cấp xã khai thác, sử dụng.

Bước 2. Rà soát hiện trạng và đề xuất nhu cầu

UBND cấp xã tổ chức rà soát hiện trạng hạ tầng, thiết bị, dữ liệu, nguồn nhân lực và mức độ ứng dụng công nghệ số; đánh giá nhu cầu triển khai theo từng lớp kiến trúc, từng nhóm nhiệm vụ và theo đặc điểm của địa bàn; đề xuất nhu cầu triển khai gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

Bước 3. Rà soát, tổng hợp và xây dựng phương án triển khai

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan rà soát, đánh giá nhu cầu của các địa phương; phân loại các thành phần triển khai theo nhóm: thành phần dùng chung; thành phần thiết yếu; thành phần bổ sung theo loại địa bàn; xác định phương án triển khai, lộ trình thực hiện, nhu cầu kinh phí và nguồn lực.

Bước 4. Quyết định phạm vi triển khai và tổ chức thực hiện

Trên cơ sở phương án tổng hợp, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phạm vi, lộ trình triển khai; giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu số dùng chung, bảo đảm không đầu tư trùng lặp.

Bước 5. Tổ chức triển khai, tích hợp và vận hành

Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tổ chức triển khai theo phân công; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng dùng chung của Trung ương và tỉnh; cập nhật dữ liệu, khai thác các nền tảng số, tổ chức vận hành và cung cấp dịch vụ số theo phân cấp.

Bước 6. Theo dõi, đánh giá và hoàn thiện

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh

điều chỉnh phạm vi, lộ trình và các giải pháp triển khai phù hợp với điều kiện thực tế; định kỳ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan chủ trì triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I của Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai tại các sở, ban, ngành và UBND cấp xã; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí, lồng ghép và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan bảo đảm nguồn lực triển khai.

3. Công an tỉnh

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu theo phân công tại Phụ lục I; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp xã.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức cấp xã theo nhiệm vụ được giao.

5. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp triển khai các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành; hướng dẫn khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung theo chức năng, nhiệm vụ.

6. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý theo Phụ lục I của Kế hoạch; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, hỗ trợ UBND cấp xã triển khai các nền tảng số, dữ liệu số và ứng dụng số thuộc phạm vi quản lý; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

7. UBND xã, phường

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục II của Kế hoạch; khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin dùng chung; cập nhật dữ liệu, tổ chức cung cấp dịch vụ số phục vụ người dân,

doanh nghiệp theo phân cấp; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

8. Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và UBND cấp xã trong việc triển khai hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số; tham gia hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, chuyển giao công nghệ và các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số theo quy định.

Kế hoạch này trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý (*kèm theo Phụ lục 1 và 2*)./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục VI;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- KGVX (Đ);
- Lưu: VT, Đ27, KP209/7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Vũ Thắng